

# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DƯỚI GÓC NHÌN PHẬT GIÁO

TRẦN THUÝ NGỌC\*

## 1. Phát triển bền vững - tất yếu của nhận thức và hành động

Thời gian gần đây, phát triển bền vững (PTBV) đã trở thành một khái niệm phổ thông. Nó bao trùm cả phát triển kinh tế và phát triển xã hội, phát triển quốc gia hay phát triển địa phương, phát triển toàn cầu hoặc phát triển khu vực v.v, “phát triển” đều được hiểu theo nghĩa “phát triển bền vững”. PTBV là hướng đi mà Tổ chức Liên Hiệp Quốc, chính phủ các quốc gia, các đoàn thể và công đoàn, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quần chúng v.v tán đồng và ủng hộ. Các nước giàu cũng như các quốc gia có thu nhập thấp đều chủ trương PTBV, khi xây dựng các chương trình và kế hoạch kinh tế - xã hội theo hướng và trong tinh thần của sự PTBV.

Vào đầu thập niên những năm 1980, Liên hiệp Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (Union internationale pour la Conservation de la nature-UICN) là tổ chức đã đề khởi khái niệm phát triển bền vững (PTBV). Năm 1987, khái niệm này đã được Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (Commission mondiale sur l'Environnement et le développement) do cựu thủ tướng Na Uy - bà Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch tiếp thu, khai triển và định nghĩa như sau trong phúc trình mang tựa *Tương lai của chúng ta* (Notre avenir à tous / Our Common Future):

“Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các yêu cầu hiện tại nhưng không tổn hại cho khả năng của các thế hệ tương lai để đáp ứng yêu cầu của chính họ”<sup>1</sup>.

Khái niệm PTBV như vậy có một nội dung bao quát, không có phạm vi nhất định, không bị gò bó bởi những chuẩn mực hoặc quy tắc đã định trước và không cũng có tính cụ thể rõ rệt. Khái niệm có thể diễn nghĩa nhiều cách, theo nhiều hướng khác nhau. Nó có thể được thi hành với những phương tiện hành động uyển chuyển. PTBV là một khái niệm cơ bản, dễ áp dụng vào điều kiện thực tế và hoàn cảnh xung quanh. Quan điểm trong phúc trình Brundtland được phổ biến và thừa nhận như quan điểm chính thống của Liên hiệp quốc về vấn đề PTBV. Luật Bảo vệ môi trường 2005 của Việt Nam cũng thể hiện quan điểm về PTBV trên tinh thần của phúc trình này: “PTBV là phát triển đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường”<sup>2</sup>.

Từ những khái niệm trên có thể thấy rằng, về bản chất, phát triển bền vững là một quá trình biến đổi mạnh mẽ trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội nhằm tạo ra sự tối ưu nhất trong tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của con người mà không làm tổn hại đến hệ các sinh thái và môi trường trong hiện tại cũng như trong tương lai. Tổng quát hơn, phát triển bền vững chính là một quá trình liên tục cân bằng và hoà nhập các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái. Nó đảm bảo sự trường tồn của nhân loại. PTBV bác bỏ các quan niệm thị trường tự điều hòa và quan niệm con người có nhu cầu mênh mông, không bao giờ hết, không cần định chừng mực. PTBV chống khuynh hướng tiêu dùng

\* NCS, nghiên cứu viên Viện Triết học.

không giới hạn và chủ trương loài người phải xét lại quan niệm và các chuẩn mực về an sinh, phúc lợi và chất lượng của cuộc sống.

PTBV cho rằng vì sự chênh lệch giàu nghèo trên thế giới cho nên bắt buộc phải theo một hướng đi mới. PTBV nhận định rằng quan hệ không cân bằng, không bình đẳng trên thế giới và mô hình toàn cầu hóa kiểu tân tự do là một nguy cơ cần phải chống lại để giữ gìn sự PTBV. Nó thừa nhận mỗi xã hội, mỗi dân tộc có yêu cầu và lý do để định những phương hướng phát triển và chọn những phương thức hành động riêng đồng thời khẳng định PTBV chỉ là thực tại nếu nó có tính cách toàn cầu.

Một mặt cần phải tìm giữ sử dụng tài nguyên, ngăn ngừa sự ô nhiễm môi trường và việc phá hủy môi sinh, giảm thiểu rác thải. PTBV cho rằng cần phải hoạt động sản xuất có giới hạn, tiêu dùng và thụ hưởng có tiết kiệm, phân phối công bằng thu nhập, điều hòa dân số và nhân lực, bảo đảm sự cân bằng giữa hai yếu tố nghịch chiều là nhu cầu có khuynh hướng gia tăng nhanh với nguồn tài nguyên bị hạn chế.

PTBV nhằm thỏa mãn yêu cầu căn bản của con người là lương thực, nước sạch, nhà ở, sức khỏe, giáo dục, an sinh, phúc lợi, quyền phát biểu, quyền tham gia v.v. cùng nhiều yêu cầu tinh thần và vật chất khác. Nhu cầu của con người phải được đáp ứng, hàng hóa và dịch vụ phải được cung cấp và phân phối trong sự công bằng. Mặt khác, số dân đói nghèo trên thế giới có yêu cầu gia tăng tiêu dùng và sản xuất để thỏa mãn các yêu cầu căn bản, bảo vệ và nâng cao nhân phẩm. Vì thế mà PTBV là một dự án nằm trong tinh thần của bản *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* công bố năm 1948.

Luận thuyết PTBV thừa nhận tăng trưởng kinh tế có tính cần thiết nhưng cũng xác định tăng trưởng chỉ là điều kiện cần (không phải là điều kiện đủ) cho phát triển. Như vậy có nghĩa tăng trưởng chỉ là phương tiện cho

cứu cánh là PTBV. Luận thuyết PTBV còn nói rằng kinh tế và xã hội phải hòa hợp, bổ sung thành một thể thống nhất. PTBV chủ trương can thiệp vào kinh tế - xã hội để thống nhất các chính sách hoặc đường lối thực hiện những đổi thay nhằm tạo điều kiện cho con người tiến bộ. PTBV đề cao các giá trị nhân bản, tính công bằng trong sản xuất, tiêu dùng và thụ hưởng.

Mục tiêu cuối cùng của PTBV là thỏa mãn yêu cầu của con người, cải thiện cuộc sống của tất cả và song song bảo toàn và quản lý hữu hiệu hệ sinh thái, bảo đảm tương lai ổn định. Nó nhằm thực hiện và đảm bảo sự liên đới giữa các thể hệ, giữa các quốc gia, giữa hiện tại với tương lai. PTBV có tính chất đa diện, thống nhất, toàn bộ. Nó chủ trương có sự tham gia đóng góp của tất cả các đối tượng thụ hưởng, tạo tính sở hữu và kết quả hoạt động có kế hoạch, xây dựng tinh thần trách nhiệm.

## **2. Phát triển bền vững dưới góc nhìn Phật giáo - bổ sung toàn diện cho nhận thức và hành động**

PTBV đã đã động đến rất nhiều vấn đề của xã hội hiện thực, dù điểm xuất phát của nó là từ những vấn đề chung của toàn cầu là cạn kiệt nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường. C.Mác đã chỉ ra trong cuốn *Tư bản luận* rằng: "...mỗi một bước tiến của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa không những là một bước tiến trong nghệ thuật bóc lột công nhân mà đồng thời còn là một bước tiến trong nghệ thuật bóc lột đất đai; mỗi một bước tiến trong việc làm tăng độ màu mỡ của đất đai trong một thời gian nhất định đồng thời cũng là một bước tiến trong việc huỷ hoại những nguồn lâu dài của sự màu mỡ đó. Một nước, như Hợp chủng quốc Bắc Mỹ chẳng hạn, mà càng lấy đại công nghiệp làm cơ sở phát triển của mình, thì quá trình phá hoại đó lại càng nhanh chóng"<sup>3</sup>. Từ nhận định này có thể suy rộng ra mức độ huỷ hoại môi trường do sự phát triển của đại công nghiệp tư bản gây ra trong 200 năm

vừa qua là rất nghiêm trọng. Từ sự tự ý thức đó của con người, để hành động lại đòi hỏi sự điều chỉnh và tác động tới một loạt chế độ chính sách xã hội và kinh tế của nhiều quốc gia, trong đó có vấn đề bất bình đẳng trong từng quốc gia và giữa những quốc gia phát triển với các nước nghèo hoặc đang phát triển.

Có ý kiến cho rằng, sau Chiến tranh thế giới II là sự giàu có nhanh chóng làm giảm số lượng người nghèo ở các nước phát triển. Cùng với tiến trình toàn cầu hoá, đa số công dân các nước phát triển giờ đây thuộc về một tầng lớp trung lưu toàn cầu, và người nghèo là thiểu số; nhưng cũng chính tiến trình này đang đẩy sự bất bình đẳng từ phạm vi nội bộ của từng quốc gia lên tầm bất bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc – mức độ toàn cầu. Chủ nghĩa tư bản không chỉ để lại áp lực khó chấp nhận trên cơ sở gây cạn kiệt tài nguyên của trái đất, mà còn để mất cân bằng bất thường trong sự phân chia của cải, phân chia tiếng nói chính trị và thừa nhận chính trị ở tầm mức toàn cầu. Khi của cải và sự giàu có chung của toàn nhân loại đang tăng lên thì sự tồn tại của những người sống ở dưới mức nghèo khổ và những nước nghèo khiến cho sự bất bình đẳng là càng không thể chấp nhận, vì không còn giống như trước đây, dù sự thiếu thốn của cải và nghèo đói là phổ biến nhưng lại không phải là sự thể hiện tập trung cho bất bình đẳng toàn cầu.

Chính vì thế, sự bất bình đẳng còn đáng sợ hơn sự nghèo đói. Nhưng vấn đề là bất bình đẳng trong lịch sử luôn là thứ trừu tượng hơn so với đói nghèo, vì vậy xoá đói giảm nghèo thường là đối tượng tập trung chính của vận động và cải cách xã hội. Song nó lại chỉ như chữa trị triệu chứng của căn bệnh chứ không nhổ tận gốc mầm bệnh<sup>4</sup>.

Sự bất bình đẳng có thể thể hiện ra dưới rất nhiều dạng, ngay trong vấn đề PTBV. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của những nước giàu có có thể được gìn giữ và bảo tồn

nguyên vẹn trong lúc những nước nghèo và đang phát triển lại rất khó khăn và hầu như không thể giữ gìn và bảo quản tài nguyên của mình trước tác động của toàn cầu hoá, cũng như rất ít nhận được các cam kết của các nước lớn về sự đảm bảo cho sự phát triển dài lâu cho những thế hệ sau tại các nước này dưới chính sự đầu tư của họ<sup>5</sup>.

Ngoài vấn nạn toàn cầu là sự bất bình đẳng về phân chia của cải và sử dụng tài nguyên thiên nhiên, xã hội hiện đại còn mắc phải căn bệnh trầm kha về thương tổn tinh thần và sự thiếu hụt đời sống bên trong, như một phản ánh tất yếu sự phát triển thiếu cân bằng của đời sống vật chất bên ngoài. Trong những báo cáo của tổ chức Joseph Rowntree, một tổ chức chuyên nghiên cứu về những vấn nạn trong xã hội hiện đại của Anh đã có những báo cáo, phân tích về các căn bệnh tinh thần đang tồn tại một cách thực tế tại nước Anh cũng như các xã hội phát triển khác.

Sự chuyển đổi của văn hoá xã hội và đời sống chính trị đã cá nhân hoá đời sống xã hội của con người - hiểu theo nghĩa một động vật tiêu thụ các giá trị thương mại. Con người dần thiếu ý thức về cái chung, về cộng đồng, “rút ra” và “thu mình” lại trước “xã hội” (hiểu theo nghĩa là cộng đồng người cùng tồn tại và phát triển). Con người trở nên khó tìm được điểm thăng bằng giữa sự tự do và an toàn mà thay vào đó là “bất ổn của sự tồn tại” dường như đã trở thành điều kiện phổ quát cho sự sống con người. Những lí do để đẩy một cá nhân trở thành tội phạm chống lại xã hội thường là sự không được thừa nhận, thiếu sự tôn trọng và nỗi hoảng sợ bị loại bỏ khỏi cộng đồng. Các cách thức tác động để con người thay đổi lối sống cá nhân chỉ là giải pháp tạm thời chứ không trừ tận gốc nguyên nhân của căn bệnh này<sup>6</sup>.

Tiếp đó là sự sợ hãi tồn tại như một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Mặc dù theo thống kê, tỉ lệ phạm tội đã giảm đi rất nhiều

từ năm 1995. Sự sợ hãi trong dân chúng về tội phạm dường như còn trầm trọng hơn chính bản thân hành động tội ác. Chiến tranh và đói nghèo - sản phẩm của quá trình toàn cầu hoá khiến con người sống trong điều kiện bất ổn hơn nhiều so với quá khứ, khiến họ suy giảm niềm tin vào chính mình và với cộng đồng một cách tự nhiên. Con người trở nên thiếu sự khoan dung và vì thế càng dễ xảy ra xung đột, mâu thuẫn hơn trong một thế giới cũng đang thể hiện ra với họ đây xung đột và mâu thuẫn. Nhiều bằng chứng trong lịch sử và trên thế giới cho thấy rằng việc gia tăng nỗi sợ hãi là hậu quả của sự bất bình đẳng vật chất và môi trường phân biệt đối xử. Trong những xã hội phát triển cân bằng, những nghiên cứu cho thấy có mối tương quan rất lớn giữa sự tin cậy và sự lành mạnh về tinh thần của cư dân trong các xã hội này. Còn trong các xã hội có sự phân cực giàu nghèo quá lớn, thì sự sợ hãi, đánh mất niềm tin và các căn bệnh tâm thần càng trầm trọng. Sự sợ hãi còn được gia tăng thêm bằng truyền thông - vốn bị đòi hỏi của lợi nhuận thương mại điều khiển, vì những câu chuyện bán sự sợ hãi cũng giúp bán chạy cho tờ báo hay bộ phim thương mại. Những động thái của chính phủ nhằm tăng cường an ninh hay trừng trị nghiêm khắc tội phạm không giúp làm giảm thiểu sự sợ hãi mà còn làm tăng cường chúng. Phương cách để giảm thiểu bất bình đẳng, thúc đẩy sự tin cậy giữa công chúng với chính phủ, điều tiết truyền thông đúng hướng có thể sẽ giúp cho xã hội phát triển lành mạnh hơn và vì thế là một tiền đề để thúc đẩy PTBV<sup>7</sup>.

Từ những vấn nạn về môi trường thiên nhiên, môi trường tinh thần của con người đã đặt trở lại vấn đề như thế nào mới được gọi là PTBV? Phương cách nào để điều chỉnh và loại bỏ những trở ngại cho định hướng PTBV? Liệu một xã hội giàu có nhưng phát triển dựa trên việc phá hoại môi trường sống, gây nên những thương tổn tâm lý cho một bộ phận chiếm đa số dân cư, làm

trầm trọng thêm sự bất bình đẳng và đói nghèo trên thế giới, làm tăng xung đột giữa các quốc gia thì có thể coi đó là một biểu trưng cho sự PTBV hay không?

Những gì mà lịch sử nhân loại trải qua đều thể hiện rõ ràng cho một quy luật phát triển với những câu hỏi: phát triển cho ai, phát triển để làm gì sẽ quy định việc phát triển như thế nào và phát triển đem lại kết quả gì. Điều này thật tương hợp với thuyết nhân quả mà Phật giáo đề xướng từ xa xưa. Những thiên tai không ngừng xuất hiện thời gian gần đây, xung đột và chiến tranh, đói nghèo bệnh tật gia tăng trên hành tinh này là kết quả hiện thực buộc chúng ta phải nhìn nhận lại nguyên nhân tận cùng của những hệ lụy đó. Bản chất của sự phát triển giàu có hiện nay của nhân loại có thực sự thể hiện sự tiến bộ của loài người hay chỉ là sự đánh đổi với giá đất bằng chính sự sinh tồn lâu dài của mình?

Điều này lại dẫn tới việc tìm kiếm một hệ quy chiếu tương chừng rất xa vời và viễn vông là triết học đạo đức chính trị và thậm chí là triết học đạo đức tâm linh. Không phải ngẫu nhiên mà các triết học cổ đại phương Đông đa phần đều nhấn mạnh tới việc “khắc kỉ” (khắc chế dục vọng - Nho gia), “tri túc, tri chí” (biết đủ, biết điểm dừng - Đạo gia), hay thậm chí là “tri túc thường lạc” (cảm thấy hỉ lạc với việc giản dị về vật chất - Phật giáo). Những truyền thống triết học đó hoá ra không hề lạc hậu mà lại chứa đựng một hệ thống quan niệm toàn diện để phục vụ cho PTBV. Tại đây chỉ xin nêu một số luận điểm của một triết lý PTBV mà người viết cho là đầy đủ hơn cả, Phật giáo.

Đạo Phật cho rằng sự hiện hữu của mọi vật trên trái đất là lệ thuộc vào nhau không ngoại trừ ai hay ngoại trừ cái gì. Bám vào ý nghĩ về sự hiện hữu riêng biệt là không thực tế. Mối tương quan lẫn nhau giữa người với người, giữa người với tự nhiên được Đức Phật thể hiện bằng khái niệm “trùng trùng duyên khởi”. Trong mối tương liên không

ngừng nghỉ ấy, con người vừa như một sản phẩm tự ý thức của thiên nhiên lại vừa lệ thuộc vào thiên nhiên. Nhưng Phật giáo không tuyệt đối hoá năng lực của con người, cho rằng con người có thể tách ra và đối lập trở lại với những gì đã sinh tạo ra mình bằng thái độ không chế và chiếm hữu. Đạo Phật luôn nhắc nhở con người rằng muôn vật đều bình đẳng vì đều chứa đựng trong mình một bản thể chung, tạm được gọi là Phật tính (theo ngôn ngữ Phật giáo, hay Thượng đế trong Thiên Chúa giáo hay bất cứ tên gọi gì chỉ nền tảng xuyên suốt và gắn kết mọi sự vật). Con người chỉ là có khả năng hơn nhiều vật khác trong tự nhiên có thể nhận định đúng và khơi dậy bản chất của chính mình sớm nhất. Từ một tầm nhìn vũ trụ như vậy, Phật giáo chủ trương yêu thương và từ bi với tất cả, vì hành vi của ta đối xử với thế giới quanh như thế nào cũng chính là cách con người tự đối xử với chính mình như vậy, tầm vóc nhỏ bé hay lớn lao của con người tùy thuộc vào việc họ có nhận thức ra và thể hiện mối tương quan vô tận giữa mình với thế giới xung quanh hay không, hay chỉ gói gọn mình trong sự thoả mãn những giác quan thể chất cá nhân.

Không dừng lại ở việc triết lý, đạo Phật đòi hỏi con người phải hiện thực hoá nhận thức đó bằng hành động và năng lực của mình qua việc tu tập và chuyển hoá những giới hạn hẹp hòi từ bên trong, nhằm đạt tới mục đích cứu cánh là sự an lạc vĩnh cửu và bất diệt. Phật giáo không phải là tôn giáo yếm thế, nó là một triết lý dân thân, những hành trang con người cần mang theo là sự kết hợp biện chứng của tất cả các phẩm chất và năng lực: từ bi về đạo đức, trí tuệ về lý tính, dũng cảm về hành động, cái này lấy cái kia làm nền tảng cho mình để cuối cùng đạt đến sự giác ngộ, an lạc trên cơ sở thống nhất đó. Phật giáo, hoá ra lại góp phần sản sinh ra sự giàu có vô tận về tinh thần, cũng như chứng minh một cách chắc chắn và giản dị rằng hạnh phúc có thể được đạt đến bằng cách không cần chìm đắm vào vật chất.

Phật giáo không cực đoan đòi vứt bỏ mọi thành quả của tiến bộ văn minh vật chất, đối với những người còn đang phải khốn khổ vì những thiếu thốn vật chất cơ bản thì khó có thể đòi hỏi ở họ sự đầy đủ và thanh thoi về mặt tâm linh. Bản thân Đức Phật cũng không thành công khi lựa chọn cách tu khổ hạnh để tìm tới giác ngộ, sự đầy đoạ xác thân sẽ không làm nảy ra ánh sáng của tỉnh thức về thực tại. Nhu cầu về giác quan của con người cần phải được đáp ứng đầy đủ, nó là mảnh đất cần thiết đầu tiên để những hạt giống tâm linh có thể nảy mầm. Song nó không phải là cứu cánh cuối cùng cho mục đích sống của con người. Mục đích tối cao mà Phật giáo đặt ra là giải thoát con người khỏi khổ đau, chỉ hướng cho con người tìm đến niềm an lạc tối hậu, và đạo Phật khẳng định việc theo đuổi hạnh phúc vật chất đem lại cho các giác quan con người chưa hẳn đã là cách để có được hạnh phúc chân thật.

Trở lại với vấn đề toàn cầu hoá, từ góc nhìn phát triển toàn diện con người thì lịch sử xã hội hiện thực là một tiến trình phát triển con người kinh tế, ngày nay các chính phủ đang ra sức cạnh tranh kinh tế khốc liệt bằng mọi giá, lợi nhuận đem lại từ xã hội tiêu dùng thúc đẩy việc tạo ra hàng hoá để con người ngày càng tiêu dùng nhiều hơn nữa, thoả mãn đòi hỏi nhu cầu mua sắm và cơn khát lợi nhuận. Xã hội loài người càng phát triển phức tạp về mặt kỹ thuật nhưng cũng song hành với giá trị đời sống con người càng bị hạ cấp xuống mức đơn giản bằng việc mua sắm và thoả mãn giá trị bằng mua sắm. Những say mê không giới hạn của con người đối với hàng hoá vật chất đã vô tình dẫn tới việc bóc lột các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên hành tinh, phá vỡ sự cân bằng và mối tương sinh giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người. Chuỗi hệ quả cho sự “vô minh” ấy của con người là những nguy cơ hủy diệt sự sống từ thiên nhiên và hủy diệt con người (nạn đói, khủng bố v.v) từ chính con người<sup>8</sup>.

Nếu như cách đây 40 năm, khi CLB Roma đề xướng “giới hạn của sự tăng trưởng”, nguy cơ môi trường và việc dự báo sự cạn kiệt nguồn tài nguyên còn là chuyện viễn vông với cả những nước phát triển lẫn đang phát triển, thì tới giờ nâng cao ý thức môi trường trở thành mối quan tâm chung của nhân loại. Cũng một cách nhìn như vậy để thừa nhận tính hợp lý của những triết thuyết như Phật giáo khi cho rằng bất cứ sự phát triển nào không đem lại sự tăng trưởng về đời sống đạo đức và hạnh phúc bình an về tâm linh cho con người thì đó không thể là sự PTBV. Sự suy đồi đạo đức, những thương tổn tinh thần của con người trong xã hội hiện đại không giảm đi mà ngày càng gia tăng ngay cả trong các xã hội giàu có của cải vật chất, tỉ lệ tử, phạm tội, suy đồi đạo đức ở trẻ vị thành niên v.v đang là mặt trái phơi bày việc mất phương hướng phát triển của xã hội hiện đại, hay là hệ quả của việc coi tăng trưởng vật chất là tiêu chí duy nhất của sự phát triển.

Sirvaraksa Sulak, một Phật tử Thái Lan, được coi là nhà lí thuyết xã hội châu Á hàng đầu, là tác giả của cuốn *Trí tuệ trong Phát triển bền vững: Kinh tế Phật giáo trong thế kỷ 21*<sup>9</sup>, người được 2 lần đề cử Nobel Hoà bình và nhận giải Right Livelihood Award của Phật giáo<sup>10</sup> nhận định về sự khác biệt trong lựa chọn giá trị PTBV thực sự:

*"CNTB đã tẩy não chúng ta qua quảng cáo và làm đảo lộn các ưu tiên trong đời sống. Chúng ta cần những nền kinh tế cổ động cho giá trị của con người, tìm cách giảm đau khổ, và quyết tâm thực thi những nguyên tắc dân chủ, thay vì phụ thuộc vào kinh tế toàn cầu và tuân theo một cách mù quáng những chính sách kinh tế tân cổ điển."*

Ông lấy làm vui mừng khi thấy Âu châu ít nhiễm lòng ham muốn vật chất (hơn Mỹ) và an sinh của con người được coi trọng hơn, với những người như Richard Layard, Geoff Mulgan và Anthony Seldon thành lập những nhóm Hành động cho Hạnh phúc, các nhà

kinh tế đoạt giải Nobel kinh tế như Amartya Sen và Joseph Stiglitz cố vấn chính phủ Pháp biết nhìn xa trông rộng hơn những tiêu chuẩn tăng trưởng kinh tế GDP, song ông vẫn cho rằng “Châu Âu cần chú trọng phát triển chất lượng hơn số lượng” để PTBV.

Theo quan điểm của Sivaraksa, hạnh phúc thực sự (của cá nhân) không phải chỉ tìm trong vật chất hay (trên bình diện quốc gia) theo đuổi một sự tăng trưởng không giới hạn, mà thay vào đó, phải bắt đầu đi tìm an lạc trong tâm hồn. "Quý vị ở phương Tây đã bị tẩy não bởi lối suy nghĩ (nhị nguyên) của Descartes: 'Tôi suy tư nên tôi hiện hữu'. Nhưng cái gọi là tôi không có thực. Tôi có được là do trùng trùng duyên khởi mà có, trong một mạng lưới duyên sinh trùng trùng." Con đường hạnh phúc không phải là "cogito ergo sum" mà là "Tôi thở nên tôi hiện hữu - I breathe, therefore I am". Sự tồn tại của con người được xác định rất giản dị bằng mối liên đới không thể tách rời với môi trường, mà thiếu nó, chỉ trong tích tắc thì con người không thể sống, chứ chưa cần nói tới các nhu cầu giác quan cần thoả mãn khác.

Phật giáo có một lựa chọn dứt khoát về con đường PTBV là hạn chế sự tăng trưởng kinh tế vô độ, mà thay vào đó là tăng trưởng sự giàu có tâm linh và tôn trọng, bảo vệ môi trường<sup>11</sup>. Lựa chọn này khó có thể được chấp nhận ngay trong một thế giới tiêu thụ vật chất. Ngay sau khi kế hoạch phát triển kinh tế đầu tiên của Thái Lan được phác thảo, chính quyền Bangkok đã bắt giam nhiều nhà sư Phật giáo, vì các sư dạy dân chúng sống tri túc. Các nhà cầm quyền sợ rằng: Lí tưởng này của Phật giáo sẽ gây trở ngại cho sự tăng trưởng kinh tế của họ. Các trung tâm kinh tế toàn cầu hóa mới luôn có nỗi e sợ với khoa kinh tế học tôn giáo vì những bộ môn này luôn nhắc nhở các tín đồ của mình về các giá trị cốt lõi - bằng lòng với cuộc sống ít vật chất đi để sẻ chia với người khác, vì qua sự sẻ chia, con người mới nằm trong mối tương liên không ngừng nghỉ với nhau và với vũ trụ.

Những quan điểm PTBV của Phật giáo không phải đề hướng đến các chính quyền ngoan cố mà là tới từng con người cá nhân sống trên trái đất này. Mục tiêu của sự PTBV theo Phật giáo là làm sao xây dựng được một nhân tính bền vững, nên sự tỉnh thức, giác ngộ, hồi cải và tự chuyển hoá nội tâm của chính mỗi con người cũng quan trọng không kém gì việc nhà nước hoạch định chính sách ở tầm vóc quốc gia, vì một khi đã vượt qua giới hạn hẹp hòi của dục lạc cá nhân, mỗi con người sẽ tác động trở lại thế giới ở mức độ vượt số ít. Chất lượng tự nó sẽ làm nên số lượng.

Khi được hỏi về việc làm sao để thực hành PTBV theo tinh thần Phật giáo, Sirvaraska đã trả lời: “Không cần phải thuyết phục toàn thể xã hội trở nên khiêm tốn hơn. Đó là phương pháp của Tây phương, mà phải bắt đầu với hạnh phúc cá nhân, giúp đỡ người khác và cảm thấy là người khác quan trọng hơn chính mình. Ta phải tự hỏi mình, làm thế nào để người này hạnh phúc? Khi con người thay đổi, chính phủ sẽ thay đổi.”<sup>12</sup>

Những quan niệm PTBV theo tinh thần Phật giáo không dừng lại ở lí thuyết. Sivaraksa không phải là một người chỉ suy nghĩ tư biện mà chưa bao giờ áp dụng trên hoàn cảnh thực tế. Hơn bốn thập niên qua, ông đã thành lập vô số các tổ chức phi chính phủ ở Thái Lan, giảng dạy tại các đại học trên thế giới và cố vấn cho chính phủ Bhutan cách thức áp dụng quan niệm Chỉ số Hạnh phúc (Gross National Happiness). Những nỗ lực này đã đưa đến kết quả là ông đã được tặng thưởng nhiều giải thưởng quốc tế.

### 3. Kết luận

Xin mượn lời của chính nhân vật tiêu biểu cho tinh thần PTBV Phật giáo - Sivaraksa để kết thúc cho bài viết này.

“Nếu chúng ta không bỏ ngã chấp trong tương lai, chúng ta sẽ gặt hái hậu quả thảm khốc. Ngay cả thiên nhiên cũng bị đau khổ

vì sự ngoan cố của chúng ta. Chúng ta nghĩ là chúng ta có thể kiểm soát được tự nhiên. Nhưng hãy nhìn Nhật Bản, nhìn Chernobyl, và Bhopal<sup>13</sup>. Nếu chúng ta không đặt tâm linh thành yếu tố chủ yếu trong cuộc sống thì chúng ta sẽ tự đặt dấu chấm hết cho chính mình.”

### Chú thích

1. Kì yếu Hội thảo *Phát triển đô thị bền vững*, Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17/05/2010.
2. Như trên.
3. C. Mác, Ăng ghen toàn tập (2002), tập 23, *Tư bản*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.731.
4. Xem Jeremy Seabrook, *Why do people think inequality is worse than poverty?*, Joseph Rowntree Foundation (JRF), 2008.
5. *Báo cáo về cam kết tài chính cho sự biến đổi khí hậu của các nước phát triển*, <http://www.wri.org/publication/summary-of-developed-country-fast-start-climate-finance-pledges>; Massimiliano Calì and Sheila Page, *Reforming trade preferences for Least Developed Countries*, Overseas Development Institute, 2010.
6. Zygmunt Bauman, *The absence of society*, Joseph Rowntree Foundation (JRF), 2008.
7. Anna Minton, *Why are fear and distrust spiralling in twenty-first century Britain?*, Joseph Rowntree Foundation (JRF), 2008; Shaun Bailey, *What and who is it we don't trust*, Joseph Rowntree Foundation (JRF), 2008; Alice Mowlam and Chris Creegan, *Modern day social evils - The voices of unheard groups*, Joseph Rowntree Foundation (JRF), 2008.
8. Manpreet Singh, *Câu trả lời của Phật giáo về những thách thức về vấn đề khí hậu*, Kì yếu Hội thảo Vesak 2008.
9. Sulak Sivaraksa, *The Wisdom of Sustainability*, Souvenir Press, 2009.
10. Tương đương với giải Nobel Hoà bình.
11. Laszlo Zsolnai (ed.), *Sustainability and Sufficiency: Economic Development in a Buddhist Perspective*, Society and Economy, Budapest, 2008.
12. Như chú thích 11.
13. Nơi đã xảy ra một tai nạn thảm khốc từ một nhà máy hóa chất ở Ấn Độ.